

Số: 2960/HD-SGTVTXD

Lào Cai, ngày 20 tháng 9 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

### **Đánh giá, thẩm định mức đạt tiêu chí xây dựng Nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Đề án số 01-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phê duyệt Đề án phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ văn bản số 1355/UBND-NLN ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc Ban hành Bộ tiêu chí về “Thôn nông thôn mới” và Bộ tiêu chí về “Thôn kiểu mẫu” tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ- Quy định về xây dựng, quản lý và sử nghĩa trang, cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 07-10:2016/BXD Quy chuẩn các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình nghĩa trang kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Để đảm bảo thống nhất triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2022-2025. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng hướng dẫn việc đánh giá, thẩm định mức đạt tiêu chí xây dựng Nông thôn mới như sau:

## **Phần I**

### **HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH MỨC ĐẠT TIÊU CHÍ QUY HOẠCH (TIÊU CHÍ SỐ 1)**

#### **A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI VÀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.**

##### **I. Huyện nông thôn mới.**

**1. Huyện nông thôn mới đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu:**

1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

##### **2. Đánh giá thực hiện**

2.1. Chỉ tiêu đánh giá: Đạt khi có các chỉ tiêu dưới đây, không có thì không Đạt.

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt:  $\geq$  1 công trình.

## 2.2. Yêu cầu:

### a) Về quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

- Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện phải đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và phù hợp Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bố trí quỹ nhà ở vị trí phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong các cụm công nghiệp (theo Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp).

- Việc rà soát quy hoạch xây dựng vùng huyện theo Điều 15 Luật Xây dựng năm 2014. Điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương I Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 10 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

### b) Về công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu

- Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: Công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014).

- Hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014).

## **II. Huyện nông thôn mới nâng cao.**

### **1. Huyện nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu:**

1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn được phê duyệt.

1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

### **2. Đánh giá thực hiện**

2.1. Chỉ tiêu đánh giá: Đạt khi có các chỉ tiêu dưới đây, không có thì không Đạt.

- Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn được phê duyệt:  $\geq 1$  đồ án.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

2.2. Yêu cầu:

*a) Về quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn được phê duyệt*

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết khu chức năng, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết khu chức năng thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Xây dựng năm 2014. Khoản 9 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

- Quy mô, tính chất khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất phải phù hợp quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ quy định tại mục 2.5 Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gồm/hoặc các chức năng: Sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); về thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường); nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; khai thác du lịch, thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh được xác định tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

*b) Về Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt*

- Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: Công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014).

- Hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014).

## **B. XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.**

### **I. Xã nông thôn mới.**

**1. Xã nông thôn mới đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu:**

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt còn thời hạn được rà soát, điều chỉnh đảm bảo theo quy định phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

### **2. Đánh giá thực hiện**

2.1. Chỉ tiêu đánh giá: Đạt khi có các chỉ tiêu dưới đây, không có thì không Đạt.

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

2.2. Yêu cầu:

*a) Về quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt*

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chung xây dựng xã, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014; Mục 3 Chương II Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định

số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và quy hoạch xây dựng vùng huyện đối với xã thuộc huyện, quy hoạch chung đô thị đối với xã thuộc thị xã, thành phố.

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gồm/hoặc các chức năng: Sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường). Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm đặc sản địa phương được xác định tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo các nguyên tắc: Về vị trí là khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định, về quy mô phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của từng địa phương, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có thể được xác lập tại vị trí tập trung hoặc phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã...) được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

*b) Về ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch*

Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng xã gồm các nội dung quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017.

## **II. Xã nông thôn mới nâng cao.**

**1. Xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu:**

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

## **2. Đánh giá thực hiện**

2.1. Chỉ tiêu đánh giá: Đạt khi có các chỉ tiêu dưới đây, không có thì không Đạt.

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

2.2. Yêu cầu:

*a) Về quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch*

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xã theo quy định pháp luật về quy hoạch: (1) UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chức năng thực hiện việc rà soát quy hoạch chung xây dựng xã theo Điều 15 Luật Xây dựng năm 2014; (2) Điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã cần đảm bảo theo quy định tại Mục 6 Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 10 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

*b) Về quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch*

Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định tại Mục 7 và Mục 8 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi tại Điều 28 - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018); Điều 14 Luật Kiến trúc năm 2019 và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

*c) Về quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới*

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết được quy định tại Điều 31 Luật Xây dựng năm 2014; Mục 3 Chương II Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày

06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

## **Phần II**

### **HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH MỨC ĐẠT TIÊU CHÍ GIAO THÔNG (TIÊU CHÍ SỐ 2)**

#### **A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI VÀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.**

Việc đánh giá huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025”.

#### **B. XÃ NÔNG THÔN MỚI VÀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.**

##### **I. Các nội dung cụ thể về xã đạt tiêu chí giao thông.**

Nội dung Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

##### **1. Xã đạt Tiêu chí giao thông khi đảm bảo các nội dung sau.**

a) Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt 100%.

b) Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt  $\geq 80\%$  cứng hóa.

c) Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt 100% (trong đó  $\geq 65\%$  cứng hóa).

d) Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đạt 100% (trong đó  $\geq 65\%$  cứng hóa).

##### **2. Xã đạt Tiêu chí giao thông nâng cao khi đảm bảo các nội dung sau.**

Các xã đạt tiêu chí giao thông nâng cao phải bảo đảm hoàn thành tiêu chí về giao thông và đáp ứng một số các nội dung sau:

a) Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng (nếu có) - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, vạch sơn giảm tốc tại những vị trí nguy hiểm, cây xanh...) theo quy định: Đạt 100%.



b) Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa và bảo trì hàng năm. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, vạch sơn giảm tốc tại những vị trí nguy hiểm, cây xanh...) và đảm bảo sáng (nếu có) - xanh - sạch - đẹp: Đạt 100%

c) Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt  $\geq 85\%$ .

d) Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đạt 100% (trong đó  $\geq 75\%$  cứng hóa).

### 3. Giải thích từ ngữ:

a) Cứng hoá là đường được trải nhựa, trải bê tông, lát bằng gạch, đá xẻ hoặc trải cấp phối có lu lèn bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xỉ.

b) Các loại đường giao thông nông thôn:

- Đường trục xã, liên xã là đường nối trung tâm hành chính xã đến trung tâm các thôn.

- Đường trục thôn là đường nối trung tâm thôn đến các cụm dân cư trong thôn.

- Đường ngõ, xóm là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư.

- Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của thôn, xã.

## II. Các bước triển khai thực hiện đánh giá, thẩm định mức đạt tiêu chí giao thông:

**Bước 1:** Hằng năm, UBND xã chủ trì thống kê, rà soát hiện trạng đầy đủ từng tuyến đường của các loại đường theo **Phụ lục 01** (hiện trạng tuyến đường tại thời điểm đánh giá). Lưu ý, cần phân biệt rõ các loại đường để có cơ sở đánh giá đúng theo tiêu chí;

**Bước 2:** Căn cứ mức độ hoàn thành đối với tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Lào Cai, UBND xã tự đối chiếu, đánh giá mức độ hoàn thành tiêu chí giao thông của xã theo **Phụ lục 02** (Đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm; đường trục chính nội đồng);

**Bước 3:** UBND xã báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố kết quả thực hiện tiêu chí giao thông của xã (*qua phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị tổng hợp*). Hồ sơ báo cáo của xã (bao gồm cả file mềm) gồm có:

(1) Báo cáo của xã tự đánh giá mức đạt tiêu chí giao thông theo 04 yêu cầu của tiêu chí;

(2) Bảng chi tiết đánh giá từng tuyến đường (Phụ lục 01);

(3) Bảng tổng hợp (Phụ lục 02).

(*Kèm phụ lục Mẫu biểu tổng hợp 01, 02, biên bản thẩm định đánh giá hoàn thành tiêu chí giao thông của xã*)

**Bước 4:** Căn cứ hồ sơ báo cáo của các xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị của huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện của từng xã, tham mưu cho Ban chỉ đạo xây dựng NTM, UBND huyện báo cáo Sở giao thông vận tải - Xây dựng kết quả thực hiện (bao gồm cả file mềm) để kiểm tra, đánh giá.

**Bước 5:** Đối với các xã hoàn thành tiêu chí giao thông, sau khi nhận được báo cáo của UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng sẽ chủ trì và phối hợp với các huyện, thành phố đánh giá và thẩm định mức đạt tiêu chí và có văn bản chấp thuận mức đạt hoàn thành tiêu chí cho từng xã.

### **III. Các bước triển khai thực hiện đánh giá, thẩm định mức đạt tiêu chí giao thông nâng cao:**

**Bước 1:** Hằng năm, UBND xã chủ trì thống kê, rà soát hiện trạng đầy đủ từng tuyến đường của các loại đường theo **Phụ lục 03** (hiện trạng tuyến đường tại thời điểm đánh giá). Lưu ý, cần phân biệt rõ các loại đường để có cơ sở đánh giá đúng theo tiêu chí;

**Bước 2:** Căn cứ mức độ hoàn thành đối với tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Lào Cai, UBND xã tự đối chiếu, đánh giá mức độ hoàn thành tiêu chí giao thông nâng cao của xã theo Phụ lục 03 (Đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm; đường trục chính nội đồng);

**Bước 3:** UBND xã báo cáo UBND huyện, thành phố kết quả thực hiện tiêu chí giao thông của xã (*qua phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị tổng hợp*). Hồ sơ báo cáo của xã (bao gồm cả file mềm) gồm có:

(1) Báo cáo của xã tự đánh giá mức đạt tiêu chí giao thông theo 04 yêu cầu của tiêu chí;

(2) Bảng chi tiết đánh giá từng tuyến đường (Phụ lục 03);

**Bước 4:** Căn cứ hồ sơ báo cáo của các xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị của huyện, thành phố rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện của từng xã, tham mưu cho Ban chỉ đạo xây dựng NTM, UBND huyện báo cáo Sở giao thông vận tải - Xây dựng kết quả thực hiện (bao gồm cả file mềm) để kiểm tra, đánh giá.

**Bước 5:** Đối với các xã hoàn thành tiêu chí giao thông nâng cao, sau khi nhận được báo cáo của UBND huyện, thành phố. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng sẽ chủ trì và phối hợp với các huyện, thành phố đánh giá và thẩm định mức đạt tiêu chí nâng cao và có văn bản chấp thuận mức đạt hoàn thành tiêu chí nâng cao cho từng xã.

## **C. THÔN NÔNG THÔN MỚI VÀ XÃ THÔN KIỂU MẪU.**

### **I. Các nội dung cụ thể về tiêu chí giao thông.**

Nội dung Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí “Thôn nông thôn mới” và Bộ tiêu chí “Thôn kiểu mẫu” tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

### **1. Thôn đạt Tiêu chí giao thông khi đảm bảo các nội dung sau.**

1.1 Tỷ lệ đường thôn, bản và đường và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt  $\geq 80\%$  cứng hóa.

1.2 Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt 100% (trong đó  $\geq 65\%$  cứng hóa).

1.3 Tỷ lệ tuyến đường liên thôn, đường ngõ xóm được trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát theo quy định.

### **2. Thôn đạt Thôn kiểu mẫu. khi đảm bảo các nội dung sau.**

1.1 Tỷ lệ đường thôn, đường liên thôn, được bảo trì hàng năm, có chỉ dẫn theo quy định (biển báo, chỉ báo, giảm tốc...) Đạt 100%.

1.2 Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa và đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Đạt  $\geq 85\%$ .

1.3 Tỷ lệ tuyến đường liên thôn, đường ngõ xóm được trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát theo quy định.

### **II. Đánh giá, thẩm định mức đạt tiêu chí giao thông:**

Các bước triển khai thực hiện đánh giá thôn nông thôn mới và thôn kiểu mẫu được thực hiện tương tự như với xã Nông thôn mới.

## **Phần III**

### **HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH MỨC ĐẠT TIÊU CHÍ NHÀ Ở**

#### **A. NỘI DUNG YÊU CẦU, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO; THÔN NÔNG THÔN MỚI VÀ THÔN KIỂU MẪU.**

##### **I. Nội dung yêu cầu của Tiêu chí về Nhà ở dân cư**

**1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới Tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng yêu cầu sau:**

- Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ tổng số hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tối thiểu từ **85% trở lên** so với tổng số nhà ở hộ gia đình toàn xã.

**2. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao Tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng yêu cầu sau:**

- Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ tổng số hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tối thiểu **từ 95% trở lên** so với tổng số nhà ở hộ gia đình toàn xã.

**3. Thôn đạt chuẩn nông thôn mới Tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng yêu cầu sau:**

- Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ tổng số hộ gia đình có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt **từ 80% trở lên** so với tổng số nhà ở hộ gia đình trong Thôn.

- Tỷ lệ hộ có tường rào (bê tông, xây gạch, xếp đá, cây xanh...), cổng ngõ được Xây dựng khang trang, cải tạo sạch đẹp hài hòa với cảnh quan làng quê (khuyến khích làm tường rào, cổng ngõ bằng cây xanh và phù hợp với truyền thống) **đạt từ 30% trở lên** trên tổng số hộ

**4. Thôn đạt “Thôn kiểu mẫu” Tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng yêu cầu sau:**

- Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ tổng số hộ gia đình có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt **từ 95% trở lên** so với tổng số nhà ở hộ gia đình trong Thôn.

- Tỷ lệ hộ có tường rào (bê tông, xây gạch, xếp đá, cây xanh...), cổng ngõ được xây dựng khang trang, cải tạo sạch đẹp hài hòa với cảnh quan làng quê (khuyến khích làm tường rào, cổng ngõ bằng cây xanh và phù hợp với truyền thống) **đạt từ 50% trở lên** trên tổng số hộ

## **II. Tiêu chí về Nhà ở dân cư**

**1. Nhà ở là công trình Xây dựng trên thửa đất có chức năng ở và được dùng để ở, bao gồm 03 bộ phận: nền - móng, khung - tường, mái.**

Vật liệu bền chắc gồm bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt thép, gỗ bền chắc. Ngoài những vật liệu nêu trên, đối với phần mái thì ngói, tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán nóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (thép, gỗ bền chắc) liên kết chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.

- Nhà tạm, nhà dột nát (*nhà đơn sơ*) là loại nhà có cả 3 thành phần cấu thành chủ yếu không được xếp vào loại bền chắc hoặc xây dựng bằng các vật liệu tạm thời có tuổi thọ ngắn, dễ cháy, không đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng), thiếu diện tích ở, bếp, nhà tiêu hợp vệ sinh, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Nhà ở thiếu kiên cố là nhà ở có 01 trong tổng số 03 bộ phận cấu thành chủ yếu (gồm: móng, khung - tường, mái) được xếp vào loại bền chắc hoặc 02 trong tổng số 03 bộ phận không đảm bảo “3 cứng” theo điểm b Mục này.

**2. Nhà ở nông thôn đạt chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Nhà ở nông thôn phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật

liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

+ “*Nền cứng*” là nền, móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: Vữa xi măng - cát, bê tông cốt thép, gạch, đá.

+ “*Khung cứng*” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kê cả móng đỡ. Khung, cột được làm từ các loại vật liệu: Bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/ đá hoặc làm từ gỗ bền chắc.

+ “*Mái cứng*” gồm hệ thống mái đỡ và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm bằng từ các loại vật liệu: Bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt đã nêu tại điểm a của Mục này.

- Diện tích tối thiểu đạt 10m<sup>2</sup> /người trở lên; diện tích tối thiểu một căn nhà 30m<sup>2</sup> trở lên; đối với hộ đơn thân diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m<sup>2</sup> trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

\* Đối với đối với nhà ở truyền thống của các đồng bào dân tộc thiểu số (nhà sàn, nhà trình tường và nhà khung gỗ), đảm bảo “ 3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng)

+ “Nền cứng” nền đất nện đầm chặt không nứt nẻ đối với nhà sàn, nhà trình tường.

+ “Khung - tường cứng” tường làm bằng đất nện đầm chặt đối với nhà trình tường, nhà tường bằng đất nện đầm chặt khung gỗ bền chắc hoặc vách bằng tre, vầu được xử lý bền chắc đối với nhà sàn.

+ “Mái cứng” hệ thống đỡ mái bằng tre, vầu được xử lý bền chắc; mái lợp bằng lá cọ đối với nhà sàn, nhà khung gỗ hoặc cỏ tranh đối với nhà trình tường.

## **B. TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ HỒ SƠ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ VỀ NHÀ Ở DÂN CƯ**

Ban chỉ đạo Chương trình nông thôn mới cấp xã, cấp huyện đề nghị UBND cùng cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới trong đó có Tiêu chí về Nhà ở dân cư. Việc đánh giá Tiêu chí về Nhà ở dân cư xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới, thôn kiểu mẫu phải dựa trên kết quả đánh giá từng nhà trong thôn (bản), trong xã. Kết quả đánh giá Tiêu chí về Nhà ở dân cư thực hiện như sau:

**Bước 1.** Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới của xã lập kế hoạch kiểm tra, xác minh thực tế từng nhà dân của từng thôn trong xã. Kế hoạch kiểm

tra, xác minh phải được Chủ tịch UBND xã phê duyệt và thông báo tới tận thôn (bản) và người dân.

**Bước 2.** Tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung của tiêu chí đối với từng nhà dân và lập biên bản theo (*Phụ lục 04*). Việc kiểm tra, xác minh được thực hiện sau khi thông báo kế hoạch ít nhất 05 ngày để người dân chủ động sắp xếp thời gian làm việc.

**Bước 3.** Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới của xã tổng hợp số liệu kiểm tra của từng thôn (bản) và của toàn xã, sau đó họp để thẩm định, tổng hợp kết quả hoàn thành tiêu chí nhà ở của từng thôn (bản) theo (*Phụ lục 05*); của xã theo (*Phụ lục 06*).

**Bước 4.** Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã lập Tờ trình, trình UBND cấp huyện thẩm định kết quả hoàn thành Tiêu chí Nhà ở dân cư của thôn, xã.

**Bước 5.** Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới cấp huyện tiến hành thẩm định đánh giá kết quả hoàn thành Tiêu chí Nhà ở dân cư của từng hộ của từng thôn (bản) theo (*Phụ lục 07*) và của xã theo (*Phụ lục 08*).

**Bước 6.**

+ Đối với cấp thôn: Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới cấp huyện trình UBND cùng cấp phê duyệt “Thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới” và “Thôn đạt chuẩn thôn kiểu mẫu”.

+ Đối với cấp xã: Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện gửi Sở Giao thông vận tải - Xây dựng thẩm định kết quả hoàn thành Tiêu chí Nhà ở dân cư của xã. Sau khi thẩm định Sở Giao thông vận tải - Xây dựng báo cáo Ban chỉ đạo Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh về kết quả hoàn thành tiêu chí.

**Bước 7.** Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tổ chức thẩm định kết quả hoàn thành Tiêu chí Nhà ở dân cư của xã và trình UBND tỉnh phê duyệt.

## Phần IV

### HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH HOÀN THÀNH TIÊU TIẾT 17.5 VỀ MAI TÁNG, HOẢ TÁNG PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH VÀ THEO QUY HOẠCH TRONG TIÊU CHÍ 17

#### I. Xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

##### 1. Xã nông thôn mới đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau.

- Mỗi xã phải được đầu tư xây dựng tối thiểu 01 nghĩa trang cấp xã phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt;

- Mỗi thôn hoặc liên thôn tùy theo khu vực trong xã có bố trí khu vực mai táng, chôn cất tập trung, phù hợp với quy hoạch được duyệt;

- Việc mai táng phải phù hợp với nếp sống văn minh, hiện đại, không còn thực hiện các thủ tục lạc hậu như để người chết lâu dài trong nhà quá 48 tiếng;

không có trường hợp táng trong hang, trên cây; không có trường hợp hỏa táng tự phát thủ công;

- Xây dựng, phổ biến và thực hiện quy chế quản lý nghĩa trang, nghĩa địa mai táng tập trung; quy định về thực hiện mai táng trên địa bàn xã, thôn, bản.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch di chuyển và tuyên truyền cho người dân di chuyển phần mộ chôn cất không tập trung về nơi về nơi chôn cất tập trung trên địa bàn xã, thôn, bản.

## **2. Xã nông thôn mới nâng cao đạt tiêu chí khi đảm bảo yêu cầu sau.**

- Xã đạt tiêu chí 17.5 và duy trì tiêu chí.

## **II. Một số quy định về quy hoạch, xây dựng và quản lý nghĩa trang.**

### **1. Định mức sử dụng đất cho một phần mộ cá nhân.**

a) Diện tích sử dụng đất tối đa cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần: người lớn: không lớn hơn 5,0 m<sup>2</sup>, trẻ em <10 tuổi không lớn hơn 3,0m<sup>2</sup>.

b) Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ cát táng tối đa không quá 3,0m<sup>2</sup>.

c) Định mức đất quy định cho một phần mộ cá nhân tại điểm a, điểm b nêu trên không bao gồm diện tích đường đi, diện tích trồng cây xanh và các hạng mục khác dùng chung trong nghĩa trang.

d) Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ phải tuân theo quy hoạch được duyệt, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương. Kích thước tối đa của các phần mộ được quy định cụ thể như sau:

- Mộ đắp đất:

+ Kích thước mộ (dài x rộng x cao): (2,7x1,4x0,8)m;

+ Kích thước huyệt mộ (dài x rộng x sâu): (2,2x0,9x1,5)m;

+ Kích thước mộ trẻ em < 10 tuổi (dài x rộng x cao): (2,0x1,4x0,8)m; huyệt mộ (dài x rộng x sâu): (1,6x0,9x1,5)m.

- Mộ cát táng, hỏa táng:

+ Kích thước mộ (dài x rộng x cao): (1,6x1,0x0,8)m;

+ Kích thước huyệt mộ (dài x rộng x sâu): (1,2x0,8x0,8)m;

+ Kích thước ô để lọ tro cốt hỏa táng (dài x rộng x cao): (0,5x0,5x0,5)m.

e) Chiều cao tối đa của một mộ phần tính từ mặt đất là 2,5 m (kể cả phần trang trí bia mộ).

g) Các phần mộ trong một khu mộ phải bố trí cách đều nhau. Lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm) đảm bảo tối thiểu là 1,2 m; khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp tối thiểu là 1,0 m; khoảng cách giữa hai mộ liên tiếp cùng hàng tối thiểu là 0,6 m.

## **2. Vệ sinh trong quá trình mai táng.**

a) Thi hài, hài cốt phải được mai táng trong các nghĩa trang theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

b) Trường hợp mai táng người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thực hiện theo Hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở Y tế và quy định khác của pháp luật.

### **3. Hướng dẫn về quản lý hoạt động xây dựng và sử dụng nghĩa trang.**

Hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang phải thực hiện đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng. Đồng thời phải thực hiện đúng hướng dẫn sau:

a) Việc xây dựng phần mộ, bia tưởng niệm trong nghĩa trang phải theo đúng định mức sử dụng đất quy định tại mục 1 Hướng dẫn này và quy hoạch xây dựng nghĩa trang đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Những hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang phải được xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và quy chế quản lý nghĩa trang đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **4. Hướng dẫn quản lý việc xây dựng phần mộ, bia mộ.**

a) Quy hoạch địa điểm nghĩa trang và quy hoạch xây dựng nghĩa trang thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Việc bố trí khu đất để xây dựng nghĩa trang phải thực hiện đồng thời với việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang trên địa bàn với UBND các huyện, thị xã, thành phố để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Đất làm nghĩa trang phải quy hoạch thành khu tập trung, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm đất, xa khu dân cư, thuận tiện cho việc chôn cất, thăm viếng, bảo đảm vệ sinh môi trường;

- Hạn chế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để xây dựng nghĩa trang, khu chôn cất;

- Nghĩa trang phải quy hoạch đường đi, cây xanh và phân khu cụ thể như: khu tưởng niệm chung; khu hỏa táng, chôn cất một lần; khu cát táng...

b) Các khu mộ phải sắp xếp theo phân lô quy hoạch, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương.

c) Xung quanh nghĩa trang cần trồng các loại cây để tạo thành dải cách ly, phải xây dựng hệ thống thoát nước để tránh bị ngập úng và rò rỉ nước của nghĩa trang ra khu vực xung quanh.

### **5. Những hành vi nghiêm cấm trong nghĩa trang.**



a) Không được xây lăng tẩm và xây tường vây khi chưa có mộ, không được đắp mộ giả và xây mộ sẵn để chờ mai táng.

b) Không trồng cây ăn quả trong nghĩa trang để tránh ruồi, muỗi.

### **6. Xử lý những tồn tại trong việc quản lý nghĩa trang.**

a) Đối với các nghĩa trang do dòng họ, gia đình quản lý: UBND cấp xã thống kê các nghĩa trang do dòng họ, gia đình quản lý trên địa bàn, xác định lại ranh giới từng nghĩa trang, hướng dẫn và yêu cầu các dòng họ, gia đình thực hiện quản lý, sử dụng nghĩa trang chung theo quy định. UBND cấp xã kiểm soát, không cho phép việc thành lập mới và mở rộng nghĩa trang của các dòng họ, gia đình. Đối với các nghĩa trang của dòng họ, gia đình gần khu dân cư, UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tuyên truyền, vận động cho người dân di dời vào khu chôn cất tập trung.

b) Đối với các phần mộ không nằm trong các nghĩa trang: UBND cấp xã thống kê quản lý danh sách các phần mộ này và các phần mộ này khi cải táng phải di chuyển vào trong các nghĩa trang theo kế hoạch hàng năm.

## **III. Trình tự đánh giá.**

### **1. Yêu cầu chung.**

a) Đối với cấp xã: Các xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện Tiêu tiết 17.5 “Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch” trong tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm, hoàn thiện hồ sơ gửi UBND cấp huyện thẩm định trước **30/10** hằng năm.

b) Đối với cấp huyện: UBND cấp huyện giao các phòng chuyên môn chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức đánh giá và chấm điểm đối với từng xã trên địa bàn, sau đó gửi hồ sơ đề nghị Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng thẩm định trước ngày **15/11** hằng năm.

c) Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành thẩm định theo đề nghị của UBND cấp huyện. Thông báo kết quả thẩm định gửi UBND cấp huyện tổng hợp, trình Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh trước ngày **15/12** hằng năm

### **2. Trình tự đánh giá.**

- Bước 1. Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới của xã (thành phần gồm Ban quản lý xã, đại diện tổ chức, đoàn thể xã, cán bộ chuyên môn...) lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế tình hình sử dụng, quản lý nghĩa trang tại địa phương, tổng hợp kết quả đánh giá gửi Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã (theo mẫu phụ lục 09 ).

- Bước 2. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã lập báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định kết quả hoàn thành tiêu chí (theo mẫu phụ lục 10).

- Bước 3. Hội đồng thẩm định tiêu chí nông thôn mới cấp huyện (thành phần gồm Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện, Phòng Kinh tế & Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị; Phòng Tài nguyên và Môi trường...) tiến hành thẩm định đánh giá kết quả hoàn thành tiêu chí, gửi ban chỉ đạo cấp huyện.

- Bước 4. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện lập tờ trình gửi Sở Giao thông vận tải - Xây dựng thẩm định kết quả hoàn thành tiêu chí (theo mẫu phụ lục 11).

- Bước 5. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế, tổng hợp kết quả thẩm định các tiêu chí gửi Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện tổng hợp.

Trên đây là Hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai về việc thực hiện đánh giá Tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng CM và Đơn vị thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (Đưa lên Trang TT điện tử của Sở);
- Lưu VT, QLGT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Huy**